

Bản án số: 27/2018/DS-PT
Ngày: 27-02-2018
V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng
Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế. Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 158/2018/QĐ-PT ngày 01/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Tuấn là Luật sư của Văn phòng luật sư Công Tuấn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1961 và ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Ngọc Đăng D, sinh năm 1976, trú tại số nhà 158/3 khu phố 2, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017 và ngày 26/10/2017).

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Cha mẹ bà là cụ ông Trần B (chết năm 1992) và cụ bà Tô Thị N (chết năm 2011) sinh được 03 người con là bà, ông Trần G (hy sinh trong chiến tranh khi chưa có vợ con) và bà Trần Thị T. Khi còn sống cha mẹ bà tạo lập khối tài sản gồm: Thửa đất số 85, diện tích theo đo đạc thực tế 102m², trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do cha mẹ bà xây dựng năm 1973 và thửa đất số 86, diện tích đo đạc thực tế 70m² đều thuộc tờ bản đồ số 31, đo vẽ năm 2001, xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc, toàn bộ di sản đều do vợ chồng bà T quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng vợ chồng bà T có sửa chữa lại một phần ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 85.

Năm 2014, bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha, mẹ để lại. Ngày 29/10/2014, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà: Chia 1/2 ngôi nhà và 1/2 diện tích thửa đất số 85, cùng 1/2 thửa đất số 86 cho bà Trần Thị T nhận bằng hiện vật, bà T thanh toán giá trị di sản bằng tiền cho bà; đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần B vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Bà làm đơn kháng cáo, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bà rút một phần nội dung kháng cáo về yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà vì cụ B chết năm 1992, nhưng đến năm 2014 bà mới khởi kiện nên đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự 2005, còn đối với nội dung kháng cáo về xin nhận di sản bằng hiện vật, cụ thể xin nhận 1/2 diện tích thửa đất số 86 thì bà vẫn giữ nguyên. Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DSPT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sửa bản án sơ thẩm, giao cho bà quản lý, sử dụng phần đất phía Nam của thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 35,1m², giới cận: Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 86; phía Nam giáp nhà, đất của ông Nguyễn Mai; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp nhà, đất của ông Trần Quá.

Nay, theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cha bà là cụ Trần B vẫn còn, nên bà yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Trần B để lại cho bà và bà Trần Thị T làm 2 kỷ phần bằng nhau, cụ thể chia như sau:

- Giao phần còn lại của ngôi nhà diện tích 31,2m² và 51m² đất phía Bắc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31, tại xã T, thành phố Q cho bà T sở hữu, quản lý, sử dụng,

bà không yêu cầu bà T và ông L thanh toán lại phần giá trị chênh lệch đất và nhà cho bà.

- Giao phần đất còn lại thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi diện tích 35m² cho bà quản lý, sử dụng, trên đất có chuồng bò và một đoạn tường xây gạch của vợ chồng bị đơn, bà đồng ý nhận tài sản này hoàn lại giá trị cho vợ chồng ông L.

Nếu Tòa đồng ý cách chia di sản như bà trình bày, thì bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, chi phí thuê đo đạc tổng cộng là 8.500.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2017, đơn trình bày ý kiến ngày 02/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Ngọc Đăng D trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản (nhà, đất), quản lý sử dụng như bà H trình bày là đúng. Phía bị đơn thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Trần B lưu hạ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không đồng ý theo cách chia của nguyên đơn, bà T yêu cầu nhận toàn bộ di sản tại thửa đất số 85, 86 và thanh toán lại giá trị di sản cho nguyên đơn. Đồng thời nếu bà T được nhận toàn bộ di sản của cụ B bằng hiện vật thì bà T hỗ trợ cho nguyên đơn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Lý do bà T muốn nhận toàn bộ di sản của cụ B bằng hiện vật là vì: Đối với thửa đất số 85, trước đây Tòa chia di sản thừa kế của mẹ bà T là cụ Tô Thị N đã giao cho bà T 1/2 ngôi nhà gắn liền 1/2 diện tích đất của thửa đất số 85, như vậy di sản còn lại của cụ B là 1/2 diện tích đất và 1/2 ngôi nhà, ngôi nhà cấp IVC này là một thể thống nhất với di sản đã giao trước đây - là vật không chia được, do đó tiếp tục giao cho bà T quản lý sử dụng di sản của cụ B tại thửa đất số 85 là hợp tình, hợp lý; đối với di sản của cụ B là 35m² đất tại thửa đất số 86, hiện nay trên đất có chuồng bò và một đoạn tường xây gạch của vợ chồng bị đơn, nếu thửa đất này chia bằng hiện vật mỗi người nhận 1/2 là 17,5m² thì không thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, hơn nữa bị đơn làm nghề nông nên việc nuôi bò là nguồn sống chính của bị đơn, nên đề nghị giao luôn phần đất này cho bị đơn là phù hợp.

Bản án sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 5 Điều 147, Điều 150, Điều 157, khoản 2 Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 611, Điều 612, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án, phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về tài sản là di sản:

- Xác định: 31,2m² nhà cấp IVC gắn liền 51m² đất ở phía Bắc thửa đất số 85 và 35m² đất phía Bắc thửa đất số 86 đều thuộc tờ bản đồ số 31 xã T hiện bà Trần Thị T, ông Huỳnh Thanh L đang quản lý, sử dụng là di sản của cụ Trần B lưu hạ.

- Xác định: Một chuồng bò kết cấu móng đá, trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, nền tráng xi măng, diện tích 11m²; một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m² (cao 1,12m; dài 2,06m) gắn liền thửa đất số 86 tờ bản đồ số 31 xã T và một phần giá trị nhà sửa chữa (tính thành tiền 6.455.280đồng) trong 31,2m² nhà cấp IVC gắn liền 51m² đất ở phía Bắc thửa đất số 85 là tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Thanh L, bà Trần Thị T.

2/ Xác định hàng thừa kế thứ nhất hưởng di sản của cụ Trần B theo pháp luật gồm có bà Trần Thị H và bà Trần Thị T.

- Di sản của cụ Trần B được chia thừa kế theo quy định pháp luật bằng hiện vật, cụ thể như sau:

+ Giao 51m² đất thuộc phía Bắc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 31 xã T, thành phố Q cho bà Trần Thị T quản lý, sử dụng. Phần đất giao có giới cận và số đo từng cạnh như sau: Phía Đông giáp sân, ngõ đi vào nhà ông Trần Quá, tính từ điểm số 2 đến số 3 và điểm 4 đến 5 tổng 2 cạnh dài 5,15m; phía Tây thửa đất số 83 của ông Trần Quá tính từ điểm số 1 đến số 8 cạnh dài 4,81m; phía Nam giáp nhà và đất thửa số 85, tính từ điểm số 5 đến số 8 cạnh dài 11,71m; phía Bắc giáp nhà và đất của ông Trần Quá mang thửa số 84, tính từ điểm 1 đến 2 và điểm 3 đến 4 tổng 2 cạnh dài 11,7m. Trên phần đất giao cho bà T có phần còn lại của ngôi nhà cấp IVC diện tích 31,2m². Nhà gắn liền với 51m² đất giao cho bà T có tổng giá trị 56.282.280đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi đồng).

+ Giao cho bà Trần Thị H nhận 35m² đất thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 31 xã T, có giới cận như sau: Phía Đông giáp đường đi liên xóm, tính từ điểm số 2 đến 3 cạnh dài 3,4m; phía Tây giáp thửa đất số 84 của ông Trần Quá tính từ điểm số 1 đến số 6 cạnh dài 3,51m; phía Nam giáp thửa 153 của bà Trần Thị H, tính từ điểm 3 đến 6 cạnh dài 10,16m; phía Bắc giáp thửa đất số 58 của bà Phạm Thị Mùa, tính từ điểm 1 đến 2 cạnh dài 10,41m; phần đất 35m² giao cho bà H trị giá 34.195.000đồng. Trên 35m² đất giao cho bà H có chuồng bò diện tích 11m² và một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m² giao cho bà H nhận sở hữu, nhưng bà H phải hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho chủ sở hữu là vợ chồng ông L, bà T với số tiền 5.910.520đồng (Năm triệu, chín trăm mười ngàn, năm trăm hai mươi đồng).

(Phần di sản giao cho bà Trần Thị H, Trần Thị T có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

+ Đối với phần sửa chữa nhà trị giá 6.455.280đồng, ông L bà T tiếp tục sở hữu cùng với phần di sản nhà đã giao cho bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần sửa chữa.

- Phần di sản bà T nhận lớn hơn 1/2 (45.238.640đồng) giá trị di sản của cụ B nhưng bà H không yêu cầu bà T thanh toán lại giá trị chênh lệch nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Các bà Trần Thị H, Trần Thị T có trách nhiệm đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản tổng cộng là 8.500.000đồng (Tám triệu, năm trăm ngàn đồng), bà H tự nguyện chịu, bà H đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí chia di sản thừa kế:

- Bà Trần Thị T phải chịu 2.814.114đồng (Hai triệu, tám trăm mười bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị H được miễn 1.709.750đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia di sản thừa kế. Hoàn trả cho bà Trần Thị H 575.000đồng (Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0004800 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20/11/2017 bà Trần Thị T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi: Yêu cầu giao cho bà Trần Thị T và ông Huỳnh Thanh L nhận phần đất phía Bắc của thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, xã T, thành phố Quảng Ngãi; bà T và ông L sẽ hỗ trợ cho bà Trần Thị H 100.000.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Bản án sơ thẩm xét xử phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định là hợp lệ. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã giao cho bà H quản lý, sử dụng 35,1m² thuộc thửa đất số 86 tờ bản đồ số 31, xã T. Ngày 18/01/2016 bà H được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 646347, sổ vào sổ CH 00717 đối với phần di sản bà được chia. Như vậy thửa đất số 86 tờ bản đồ số 31, xã T chỉ còn 35m² đất, Tòa án cấp sơ thẩm giao luôn cho bà H là phù hợp với thực tế sử dụng, phù hợp quy định pháp luật về đất đai cũng như Quyết định 54/2015/QĐ-

UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trần B: Cụ Trần B chết năm 1992, vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Trần Thị H khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ B chết không để lại di chúc và di sản của cụ B để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần B là bà Trần Thị H và bà Trần Thị T.

[3] Về di sản thừa kế: Căn cứ bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chia di sản thừa kế của cụ Tô Thị N thì di sản của cụ B gồm $\frac{1}{2}$ thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31, xã T, thành phố Q có diện tích là $51m^2$ ở vị trí phía Bắc của thửa đất; một phần ngôi nhà cấp IVC có diện tích $31,2m^2$ (trong đó có $\frac{1}{2}$ giá trị là di sản của cụ B để lại, $\frac{1}{2}$ giá trị là của vợ chồng ông L, bà T sửa chữa). $\frac{1}{2}$ thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, xã T, thành phố Q có diện tích $35m^2$ ở vị trí phía Bắc của thửa đất. Tổng giá trị di sản của cụ B theo chứng thư thẩm định giá số 0881/2017/VLAND-QNG ngày 07/9/2017 là 90.477.280 đồng.

[4] Bà H và bà T đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B nên được hưởng phần di sản bằng nhau là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, bà H và bà T đều yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì bà H được nhận $35,1m^2$ đất thuộc thửa đất số 86 tờ bản đồ số 31, xã T; bà T được nhận $51m^2$ đất thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31, xã T và một phần ngôi nhà gắn liền trên phần đất được nhận. Với diện tích $35m^2$ còn lại của thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 xã T là diện tích đất nhỏ giáp ranh với diện tích đất $35,1m^2$ mà bà H đã được nhận theo bản án số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, phần đất này bà H được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 646347, số vào sổ CH 00717 ngày 18/01/2016 là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 31, xã T, thành phố Q, vì vậy để đảm bảo thuận lợi cho việc sử dụng đất Tòa án cấp sơ thẩm đã chia bằng hiện vật phần đất này cho bà H là hoàn toàn phù hợp. Do đó, bà T kháng cáo yêu cầu được nhận $35m^2$ đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 xã T bằng hiện vật và bà T, ông L sẽ hỗ trợ cho bà H 100.000.000 đồng nhưng không được bà H đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7] Những quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 623, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần B để lại theo pháp luật.

- Chia cho bà Trần Thị T trọn quyền sở hữu, sử dụng một phần ngôi nhà cấp IVC diện tích 31,2m² gắn liền với 51m² đất ở phía Bắc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 31 xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi phần đất này có giới cận như sau:

+ Phía Đông có 02 đoạn, đoạn 01 dài 1.17m giáp với thửa đất số 84 và đoạn 02 dài 3.98m giáp đường đất;

+ Phía Tây dài 4.81m giáp thửa đất số 83;

+ Phía Nam dài 11.71m, giáp nhà và phần đất còn lại của thửa số 85 (đã được chia cho bà Trần Thị T theo bản án số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi);

+ Phía Bắc có 02 đoạn, đoạn 01 dài 5.49m và đoạn 02 dài 6.21m, giáp thửa đất số 84;

Tổng giá trị phần di sản bà Trần Thị T nhận bằng hiện vật là 56.282.280 đồng (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi đồng*).

- Chia cho bà Trần Thị H trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 xã T, diện tích 35m² và giao cho bà H trọn quyền sở hữu chuồng bò diện

tích 11m² và một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m² gắn liền trên diện tích đất được chia, có giới cận như sau:

- + Phía Đông dài 3.4m giáp đường đất;
- + Phía Tây dài 3.51m giáp thửa đất số 84;
- + Phía Nam dài 10.16m giáp thửa đất số 153;
- + Phía Bắc dài 10.41m giáp thửa đất số 58;

Giá trị phần tài sản của bà H được chia là 34.195.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

(Phần di sản chia cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị T có sơ đồ kèm theo bản án là một bộ phận không tách rời của bản án).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc thanh toán lại giá trị chuồng bò diện tích 11m² và một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m² cho bà Trần Thị T và ông Huỳnh Thanh L với tổng số tiền là 5.910.520 đồng (*Năm triệu, chín trăm mười ngàn, năm trăm hai mươi đồng*).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không buộc bà Trần Thị T thanh toán lại giá trị chênh lệch của phần di sản bà T được nhận cho bà H.

4. Bà Trần Thị H và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc chịu 8.500.000 đồng (*Tám triệu, năm trăm ngàn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Bà H nộp tạm ứng đủ và đã chi phí xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 2.814.114 đồng (*Hai triệu, tám trăm mười bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng*). Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị H 575.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0004800 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001877 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

8. Những quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và

bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang